

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN GIỒNG TRÔM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 80/2024/DS-ST

Ngày: 26/6/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Trang

Ông Lê Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**

Địa chỉ: **A P, phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thanh T** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị Anh T1** – Phó Giám đốc **Phòng G** – **Chi nhánh B1** – **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.**

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành V** – Nhân viên khách hàng cá nhân **Phòng G** - **Chi nhánh B1** - **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.**

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Phụng T2**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: **ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.**

3. Người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm: 1985.

- Bà **Nguyễn Thị Hoài T3**, sinh năm: 1988

Cùng địa chỉ: **ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.**

*Tại phiên tòa, ông **V**, ông **B** có mặt; ông **T2**, bà **T3** vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2023, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành V trình bày:

Ngày 16/3/2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, Chi nhánh B1 – Phòng G (Sau đây gọi là “Bên cho vay” hoặc “Ngân hàng”) và ông Nguyễn Phụng T2 (Sau đây gọi là “Bên vay” hoặc “ông T2”) ký kết với nhau hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0044/1223. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho ông T2 vay vốn số tiền 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng; Thời hạn vay: 60 (sáu mươi) tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn sửa chữa chuồng trại và chăn nuôi bò, cải tạo đất; Lãi suất vay: 13%/năm, lãi suất điều chỉnh theo quy định ngân hàng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Kỳ hạn trả lãi: ngày 10 hàng tháng. Trả nợ gốc: chia thành 5 kỳ:

Kỳ 1: Ngày 11/3/2024: trả 40.000.000 đồng.

Kỳ 2: Ngày 10/3/2025: trả 60.000.000 đồng.

Kỳ 3: Ngày 10/3/2026: trả 60.000.000 đồng.

Kỳ 4: Ngày 10/3/2027: trả 80.000.000 đồng.

Kỳ 5: Ngày đáo hạn của hợp đồng (60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn vay đầu tiên): trả 80.000.000 đồng.

Ngày 17/3/2023, Ngân hàng đã giải ngân đúng theo nội dung Hợp đồng cho vay nêu trên, ông T2 đã nhận đủ số tiền vốn là 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho ông T2, ông B và bà T3 (bà T3 là chị ruột ông T2) đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số K.0029/TC22 ngày 16/3/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 949, tờ bản đồ 2 diện tích 564,4m² tọa lạc xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông B, bà T3 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Hợp đồng thế chấp tài sản này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M ngày 16/3/2023.

Từ khi vay đến nay, ông T2 đã thanh toán cho Ngân hàng nợ lãi trong hạn với số tiền 20.272.456 đồng vào các ngày 20/3/2023, 14/7/2023, 08/11/2023, 15/01/2024. Từ tháng 2/2024, ông T2 không trả lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng nhiều lần tìm ông T2 làm việc nhưng không gặp ông T2 mà chỉ gặp được ông B, bà T3; ông B, bà T3 cũng cam kết trả nợ thay cho ông T2 nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán nợ. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ yêu cầu ông T2 có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 25/6/2024 là 353.593.845 (Ba trăm năm mươi ba triệu năm trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi lăm) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/6/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số N.0044/1223 ngày 16/3/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 564.4m² thửa 949, tờ bản đồ 2 tọa lạc xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông B, bà T3 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T2 thì ông T2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông T2, bà T3 đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không lấy được lời khai của các ông, bà.

Tại phiên tòa, ông B trình bày: Ông là chồng bà T3, vợ chồng ông có thể chấp thửa đất diện tích 564,4m² thửa 949, tờ bản đồ 2 tọa lạc xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre do vợ chồng ông đứng tên để đảm bảo việc trả nợ cho ông T2 (là em ruột bà T3). Thực tế, số tiền ông T2 vay của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0044/1223 ngày 16/3/2023 vợ chồng ông sử dụng để làm ăn nhưng do kinh tế khó khăn nên ông có vi phạm nghĩa vụ đóng lãi cho Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện ông T2 thì ông cũng không có ý kiến và ông cũng đang cố gắng xoay sở, bán đất để trả nợ cho Ngân hàng số nợ còn thiếu; trường hợp phía gia đình ông không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ông đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản của vợ chồng ông đã thế chấp để thu hồi nợ mà không có ý kiến gì thêm. Về số tiền bên vay đã đóng cho Ngân hàng, số tiền nợ gốc và lãi còn nợ tính đến nay mà Ngân hàng đã nêu thì ông đồng ý, không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T2 trả nợ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0044/1223 ngày 16/3/2023. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Tại Điều 14 của Hợp đồng tín dụng nêu trên có quy định: “ Mọi bất đồng/tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, các Bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không tự giải quyết được thì hai bên thống nhất Toà án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Toà án nhân dân nơi Phòng G đặt trụ sở...”. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông **T2**, bà **T3** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông **T2**, bà **T3**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chứng cứ Ngân hàng khởi kiện là Hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0044/1223 ngày 16/3/2023; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số K.0029/TC22 ngày 16/3/2023. Theo đó, Ngân hàng cho ông **T2** vay vốn 320.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 60 (sáu mươi) tháng từ 18/3/2023 đến ngày 17/3/2028; Mục đích vay: Bổ sung vốn sửa chữa chuồng trại và chăn nuôi bò, cải tạo đất; Lãi suất vay: 13%/năm, lãi suất điều chỉnh theo quy định ngân hàng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Kỳ hạn trả lãi: ngày 10 hàng tháng. Trả nợ gốc: chia thành 5 kỳ như đã nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng thừa nhận: Đến nay, ông **T2** đã trả được tiền lãi của các tháng 4, 5, 6, 7, 8/2023 và một phần tháng 9/2023, tổng cộng là 20.272.456 đồng vào các ngày 20/3/2023, 14/7/2023, 08/11/2023 và 15/01/2024. Như vậy, có căn cứ xác định ông **T2** đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Do đó, Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập nhưng ông **T2** đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, coi như ông **T2** mặc nhiên thừa nhận nợ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Ngân hàng khởi kiện buộc ông **T2** trả số tiền 353.593.845 đồng (320.000.000 đồng tiền vốn + 31.328.640 đồng tiền lãi trong hạn + 2.262.205 đồng tiền lãi quá hạn) và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/6/2024 theo hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0044/1223 ngày 16/3/2023 cho đến khi trả xong nợ là phù hợp quy định tại 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.2] Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, ông **B**, bà **T3** đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số K.0029/TC22 ngày 16/3/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 564,4m² thửa 949, tờ bản đồ 2 tọa lạc xã **Đ**, huyện **M**, tỉnh **Bến Tre** do ông **B**, bà **T3** đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng này được Ngân hàng và ông **B**, bà **T3** ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp quy định pháp luật, hợp đồng được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên có hiệu lực pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bà **T3** không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông **B** cũng đồng ý việc xử lý tài sản thế chấp nếu ông

T2 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại Điều 323 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông **T2** phải chịu toàn bộ án phí là 17.679.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**. Buộc ông **Nguyễn Phụng T2** trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** số tiền 353.593.845 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu năm trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi lăm) đồng, gồm: 320.000.000 đồng tiền vốn + 31.328.640 đồng tiền lãi trong hạn + 2.262.205 đồng tiền lãi quá hạn).

Kể từ ngày 26/6/2024, ông **T2** còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông **T2** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất có diện tích 564,5m² thửa 949, tờ bản đồ 2 tọa lạc xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông **Nguyễn Thanh B**, bà **Nguyễn Thị Hoài T3** vào ngày 31/8/2020, S vào sổ cấp GCN: CS08438) để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông **T2** thì ông **T2** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ**.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Nguyễn Phụng T2** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 17.679.000 (Mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn) đồng.

Trả lại **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.371.000 (Tám triệu ba trăm bảy mươi một nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002737 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Ngọc Á

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc L

Phạm Thị Thu Trang

Phạm Ngọc Á

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Á

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Văn Cảnh

Phạm Thị Thu Trang

Phạm Ngọc Ánh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Ngọc Ánh